

# XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN CÁC BẬC TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Nguyễn Đăng Trụ ●

## TÓM TẮT :

Trong hệ thống giáo dục vốn tồn tại nhiều bậc trình độ đào tạo (BTĐĐT) khác nhau. Tuy nhiên, ít ai để ý tới việc có hay không tồn tại tiêu chuẩn các BTĐĐT đó, bởi vì sự khác biệt giữa các BTĐĐT đào tạo trước đây là khá rõ ràng. Từ khi Luật Giáo dục 2005 ra đời, với sự xuất hiện của các BTĐĐT mới như: cao đẳng nghề, trung cấp nghề và trung cấp chuyên nghiệp... thì mọi việc trở nên khác hẳn. Nhà trường, người sử dụng lao động và người học trong xã hội băn khoăn không hiểu bậc nào cao hơn bậc nào, bởi chưa có văn bản nào qui định tiêu chuẩn của các BTĐĐT này.

Để Luật giáo dục 2005 có thể thực sự đi vào cuộc sống, cần thiết phải xác định rõ các dấu hiệu bản chất của mỗi bậc học, cấp học và xây dựng tiêu chuẩn trình độ cho tất cả các bậc học, cấp học trong hệ thống giáo dục quốc dân.

## 1. KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ CÓ LIÊN QUAN

### 1. Tiêu chuẩn

Trong tiếng Việt có hai thuật ngữ đồng nghĩa với nhau, đó là *tiêu chuẩn* và *chuẩn*. Theo Từ điển thông dụng tiếng Việt<sup>(1)</sup>, tiêu chuẩn (standard) là cái được chọn làm mốc để đối chiếu, để đối chiếu mà làm cho đúng hoặc là vật chọn làm mẫu đơn vị đo lường; tiêu chuẩn được xem như một mức hoặc mốc để so sánh, đối chiếu, là cái được chọn làm căn cứ để đối chiếu, để hướng theo đó mà làm cho đúng.

Tiêu chuẩn thường do các tổ chức, cơ quan được công nhận hoặc có trách nhiệm tiên hành xây dựng và ban hành. Tiêu chuẩn thường phải đáp ứng các nhu cầu của cộng đồng, của ngành hay lĩnh vực đời sống xã hội nào đó thông qua một quá trình xây dựng, trong đó việc lấy ý kiến và thảo luận rộng rãi với những bên liên quan là đòi hỏi có tính nguyên tắc bắt buộc.

Mức độ chi tiết hoặc khái quát của tiêu chuẩn phụ thuộc vào yêu cầu và mức độ chính xác cần đo lường hoặc đánh giá các đối tượng mà cơ quan quản lý cần đo lường hoặc đánh giá. Với các hoạt động sản xuất vật chất, các chỉ số và tiêu chí đánh giá trong tiêu chuẩn thường được đưa ra cụ thể và chi

tiết đến mức có thể định lượng được. Còn với các đối tượng trong hoạt động xã hội, các chỉ số và tiêu chí đánh giá trong tiêu chuẩn thường được đưa ra một cách khái quát và thường chỉ có thể đo lường bằng cách định tính thông qua các phương pháp nghiên cứu xã hội học.

Việc xây dựng tiêu chuẩn các BTĐĐT nhằm xác định cái riêng, cái đặc trưng và sự khác biệt trong sản phẩm đào tạo của mỗi bậc học trong thống giáo dục quốc dân thống nhất.

### 2. Tiêu chuẩn kỹ năng nghề

Trong khu vực và trên thế giới, Tiêu chuẩn Kỹ năng Nghề (Occupational Skill Standard) được dùng đồng nghĩa với Tiêu chuẩn Năng lực Thực hiện (Occupational Competency Standard). Tiêu chuẩn Kỹ năng Nghề bao gồm tiêu chuẩn kiến thức và tiêu chuẩn kỹ năng thực hành. Tiêu chuẩn kiến thức và tiêu chuẩn kỹ năng thực hành được xây dựng cho từng công việc của nghề theo một qui trình thống nhất.

## II. THỰC TRẠNG VỀ TIÊU CHUẨN CÁC BTĐĐT HIỆN NAY

Các văn bản luật và dưới luật hiện nay ở nước ta mới chỉ qui định mục tiêu đào tạo của các bậc học. Thậm chí việc định nghĩa

các bậc học trong các văn bản luật và dưới luật cũng rất không rõ ràng, không tường minh và không nhất quán. Chưa có một văn bản nào định nghĩa rõ ràng về các BTĐĐT trong hệ thống giáo dục nói chung và trong giáo dục nghề nghiệp nói riêng.

Hiện nay tiêu chuẩn trình độ cho các bậc học trong giáo dục phổ thông đã được ban hành. Nhưng việc xây dựng tiêu chuẩn trình độ cho các bậc đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp (trung cấp chuyên nghiệp hiện nay) chưa từng được nghiên cứu và triển khai trong hệ thống giáo dục.

Dự án Giáo dục kỹ thuật và dạy nghề (do Bộ LĐ-TB-XH quản lý) đã có dự thảo xây dựng tiêu chuẩn trình độ đào tạo nghề theo ba cấp trình độ 1, 2 và 3 (tương đương với các trình độ bán lành nghề, lành nghề và trình độ cao theo tên gọi trước đây). Tuy nhiên Luật GD 2005 lại qui định ba cấp trình độ khác là: sơ cấp nghề, trung cấp nghề và cao đẳng nghề.

### III. XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN CÁC BTĐĐT TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

#### 1. Những yêu cầu cơ bản đối với tiêu chuẩn

- 1.1 Tiêu chuẩn phải có tính năng kỹ thuật và thể hiện tính năng đó khi áp dụng nó trong lĩnh vực tương ứng, tức là nó có tác dụng quy cách hoá tất cả những sự vật cùng loại trong lĩnh vực xác định.
- 1.2 Tiêu chuẩn phải có hiệu lực tương đối ổn định cả về phạm vi lẫn thời gian áp dụng, không luôn luôn thay đổi. Mặt khác, tiêu chuẩn đồng thời phải có tính phát triển, không tuyệt đối cố định, đó là yêu cầu có tính khách quan.
- 1.3 Tiêu chuẩn phải bảo đảm chức năng thúc đẩy sự phát triển chất lượng trong lĩnh vực áp dụng.

- 1.4 Tiêu chuẩn bất kỳ nào cũng phải là trình độ dung hoà, cân nhắc và lựa chọn giữa những chỉ tiêu, quy định, yêu cầu cao hơn nó và những chỉ tiêu, quy định, yêu cầu đã được thực thi trên thực tế lúc đó.
- 1.5 Tiêu chuẩn cụ thể nào đó luôn luôn là bộ phận hoặc là hệ lớn hơn chứa những tiêu chuẩn khác có liên quan. Không có thứ tiêu chuẩn hoàn toàn biệt lập với các tiêu chuẩn khác cùng lĩnh vực.

#### 2. Nguyên tắc xây dựng tiêu chuẩn các BTĐĐT:

- 1.1 Tiêu chuẩn các BTĐĐT trong giáo dục nghề nghiệp phải là một bộ phận của tiêu chuẩn các BTĐĐT trong hệ thống giáo dục quốc dân thống nhất.
- 1.2 Tiêu chuẩn các BTĐĐT được xây dựng trên cơ sở phân tích hoạt động nghề nghiệp thực tế tại vị trí làm việc đặc trưng, điển hình của người tốt nghiệp theo từng bậc học.
- 1.3 Tiêu chuẩn các BTĐĐT không vi phạm những qui định của Luật giáo dục 2005. (Mục tiêu các bậc học ghi trong Luật giáo dục 2005 được coi là sứ mệnh (mission) ủy thác theo thiết kế của xã hội cho mỗi bậc học. Nó được sử dụng để phân biệt với các bậc học khác và tạo ra nét đặc trưng, cái riêng và sự khác biệt của mỗi bậc học trong hệ thống giáo dục quốc dân)

Nội dung tiêu chuẩn các BTĐĐT bao gồm 3 thành phần chính là: Tiêu chuẩn kỹ năng, tiêu chuẩn kiến thức và tiêu chuẩn thái độ. Tuy nhiên, các tiêu chuẩn về thái độ thường rất chung, không có sự khác biệt rõ rệt giữa các BTĐĐT, không dễ dàng đo đếm và lượng hóa. Bởi vậy trong thực tế nhiều khi vẫn phải bỏ qua, không xác định được.

**3. Tìm kiếm sự khác biệt giữa các BTĐĐT theo Luật giáo dục 2005 (Điều 33, Luật GD 2005)**

| Bậc học   | Mục tiêu  | Bậc học                 | Mục tiêu   |
|---|---|-------------------------|--|
| Cao đẳng nghề;<br>-----<br>Trung cấp nghề;<br>-----<br>Sơ cấp nghề. | Dạy nghề nhằm đào tạo:<br><br>- Nhân lực kỹ thuật <u>trực tiếp</u> trong sản xuất, dịch vụ<br><br>- Có <u>năng lực thực hành nghề</u> tương xứng với trình độ đào tạo | Cao đẳng                | Đào tạo trình độ cao đẳng SV:<br><br>- Có kiến thức chuyên môn và kỹ năng <u>thực hành cơ bản</u><br><br>- Giải quyết những <u>vấn đề thông thường thuộc chuyên ngành</u> được đào tạo.  |
|   |   | Trung cấp chuyên nghiệp | Trung cấp chuyên nghiệp nhằm đào tạo:<br><br>- Người lao động có kiến thức, kỹ năng <u>thực hành cơ bản của một nghề</u> ,<br><br>- Có khả năng làm việc <u>độc lập</u> và có tính <u>sáng tạo, ứng dụng công nghệ</u> vào công việc |

➤ **Một số nhận xét:**

- Cách định nghĩa và cách viết mục tiêu không đồng đẳng, không nhất quán giữa các bậc học trong Luật Giáo dục 2005; đặc biệt là trong Mục 3. Giáo dục nghề nghiệp.
- Không qui định rõ mục tiêu của từng bậc trình độ đào tạo trong dạy nghề (sơ cấp nghề, trung cấp nghề và cao đẳng nghề).
- Nhìn vào cách viết mục tiêu đào tạo, có vẻ như Trung cấp chuyên nghiệp có trình

độ cao hơn bậc Cao đẳng! Sự khác biệt giữa 2 thuật ngữ chuyên ngành đào tạo và nghề của hai bậc học này chỉ nói về phạm vi hoạt động rộng hay hẹp, không nói lên được sự khác biệt về bậc trình độ đào tạo.

- Không thể hiểu được ý đồ của người soạn thảo luật khi sử dụng thuật ngữ nhân lực kỹ thuật và người lao động trong cách viết mục tiêu đào tạo của hai bậc học Trung cấp nghề và Trung cấp chuyên nghiệp là gì.

#### 4. Thử nghiệm về tiêu chuẩn các BTĐĐT trong giáo dục nghề nghiệp

| Trình độ đào tạo           | Tiêu chuẩn kỹ năng  |
|----------------------------|---|
| Cao đẳng<br>(để đối chiếu) | <ul style="list-style-type: none"> <li>.... có kỹ năng thực hành cơ bản để giải quyết những vấn đề thông thường thuộc chuyên ngành được đào tạo.</li> </ul>   |
| <b>Cao đẳng nghề</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>Làm được một cách độc lập tất cả các công việc thuộc trình độ 3* theo tiêu chuẩn kỹ năng nghề qui định.</li> <li>Tổ chức và quản lí việc thực hiện các công việc chuyên môn nghề, đòi hỏi phải có sự hợp tác của các thành viên trong nhiều tổ hoặc nhóm nhỏ</li> </ul>                    |
| Trung cấp chuyên nghiệp    | <ul style="list-style-type: none"> <li>Làm được các công việc cơ bản của nghề.</li> <li>Có khả năng làm việc độc lập, có tính sáng tạo.</li> <li>ứng dụng công nghệ vào công việc.</li> <li>Tổ chức thực hiện các công việc chuyên môn nghề, đòi hỏi phải có sự hợp tác của các thành viên trong một tổ hoặc nhóm nhỏ.</li> </ul> |
| <b>Trung cấp nghề</b>      | <ul style="list-style-type: none"> <li>Làm được một cách độc lập tất cả các công việc thuộc trình độ 2* theo tiêu chuẩn kỹ năng nghề qui định.</li> <li>Tổ chức thực hiện các công việc chuyên môn nghề, đòi hỏi phải có sự hợp tác của các thành viên trong một tổ hoặc nhóm nhỏ.</li> </ul>                                     |
| <b>Sơ cấp nghề</b>         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Làm được một cách độc lập tất cả các công việc thuộc trình độ 1* theo tiêu chuẩn kỹ năng nghề qui định.</li> <li>Tham gia các công việc chuyên môn nghề đòi hỏi phải có sự hợp tác của các thành viên trong một tổ hoặc nhóm nhỏ.</li> </ul>   |

**Ghi chú:** 3\*; 2\*; 1\*: *Qui định về khung trình độ kỹ năng nghề (Quyết định số 662 /QĐ-LĐTĐ ngày 03 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TĐ-XH).*

| Trình độ đào tạo           | Tiêu chuẩn kiến thức   |
|----------------------------|--|
| Cao đẳng<br>(để đối chiếu) | <p>- Lý giải được các vấn đề chuyên môn có liên quan tới các vấn đề kỹ thuật và công nghệ trong nghề dựa trên nền các kiến thức chuyên môn, kỹ thuật cơ sở và khoa học cơ bản có liên quan tới nghề (giải thích, phân tích được các hiện tượng hoặc nguyên nhân các lỗi, sai hỏng, sự cố kỹ thuật để đưa ra sự lựa chọn hoặc giải pháp hợp lý).</p> <p>Phân tích, so sánh và lựa chọn được qui trình kỹ thuật, công nghệ chuyên môn hợp lý để áp dụng trong thực tế.</p> |

| Trình độ đào tạo               | Tiêu chuẩn kiến thức   |
|--------------------------------|--|
| <b>Cao đẳng nghề</b>           | <p>Có kiến thức chuyên môn đủ để thực hiện đạt tiêu chuẩn qui định đối với các công việc thuộc tiêu chuẩn kỹ năng trình độ 1, 2 và 3*</p> <p>Lý giải được các vấn đề chuyên môn có liên quan tới tất cả các công việc ở trình độ 1, 2 và 3 dựa trên nền các kiến thức chuyên môn và kỹ thuật cơ sở có liên quan tới nghề (giải thích, phân tích được các hiện tượng hoặc nguyên nhân các lỗi, sai hỏng, sự cố kỹ thuật để đưa ra sự lựa chọn hoặc giải pháp hợp lý)</p> <p>Phân tích, so sánh và đánh giá được các qui trình kỹ thuật, công nghệ chuyên môn nghề trong thực tế</p> |
| <b>Trung cấp chuyên nghiệp</b> | <p>Có kiến thức chuyên môn đủ để ứng dụng công nghệ vào công việc của nghề.</p> <p>Lý giải được các vấn đề chuyên môn có liên quan tới tất cả các công việc của nghề dựa trên nền các kiến thức chuyên môn và kỹ thuật cơ sở của nghề (giải thích, phân tích được các hiện tượng hoặc nguyên nhân các lỗi, sai hỏng, sự cố kỹ thuật để đưa ra sự lựa chọn hoặc giải pháp hợp lý).</p> <p>Có trình độ văn hóa tương đương trung học phổ thông (khi tốt nghiệp).</p>   |
| <b>Trung cấp nghề</b>          | <p>Có kiến thức chuyên môn đủ để thực hiện đạt tiêu chuẩn qui định đối với các công việc thuộc tiêu chuẩn kỹ năng trình độ 1 và 2*.</p> <p>Lý giải được các vấn đề chuyên môn có liên quan tới các công việc ở trình độ 1 và 2 dựa trên nền các kiến thức chuyên môn của nghề (giải thích, phân tích được các hiện tượng hoặc nguyên nhân các lỗi, sai hỏng, sự cố kỹ thuật để đưa ra sự lựa chọn hoặc giải pháp hợp lý)</p> <p>Có trình độ văn hóa tương đương trung học phổ thông (khi tốt nghiệp).</p>  |
| <b>Sơ cấp nghề</b>             | <p>Có kiến thức chuyên môn đủ để thực hiện đạt tiêu chuẩn qui định đối với các công việc thuộc tiêu chuẩn kỹ năng trình độ 1* .</p> <p>Không qui định trình độ văn hóa (khi tốt nghiệp).</p>   |

#### IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Từ điển thông dụng tiếng việt; NXB Giáo Dục; 1998
2. Luật giáo dục sửa đổi 2005; NXB Giáo dục, 2005
3. Qui định về khung trình độ kỹ năng nghề; (QĐ số 662 /QĐ-LĐTĐBXH, ngày 03 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh – Xã hội).